

» CÔNG TY THANG MÁY PHÚC AN

» HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính Số 125 Đường số 4 - P. Tân Quy - Q.7 Tp HCM
Điện thoại (+84 8) 3 7718337
Fax (+84 8) 3 7718067

» CẦN THƠ

VPDD 323 Đường Võ Văn Kiệt - P. An Thới
Quận Bình Thủy - Tp Cần Thơ
Điện thoại (+84 71) 3 818 123
Fax (+84 71) 3 818 333





Thang máy chở người - Passenger Elevator

Được thiết kế đa dạng về mẫu mã và nguyên liệu (cabin, cửa tầng). Thang máy mang nhãn hiệu Phúc An đáp ứng được hầu hết các nhu cầu của khách hàng. Với tải trọng từ 300kg - 1600kg, thang máy được ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại và độ an toàn cao.

Thang máy chở hàng - Freight Elevator:

Hoạt động bền bỉ với tần suất cao, kể cả trong môi trường khắc nghiệt. Thiết kế đa dạng theo nhu cầu vận chuyển hàng hoá của khách hàng với tải trọng từ 500kg - 5000kg.

Thang máy chở giường bệnh- Hospital Bed Elevator:

Được sử dụng trong các bệnh viện, chung cư cao tầng dùng để chuyển bệnh nhân. Với tải trọng lên đến 1800kg, thang máy tải giường bệnh cũng đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người tàn tật hay người lớn tuổi.

Thang máy chở thực phẩm - Dump Waiter

Được sử dụng trong các nhà hàng, khách sạn, và các cửa hàng thực phẩm hay trong các trường mầm non. Với tải trọng lên đến 500kg, thang máy chở thực phẩm được thiết kế với các nguyên vật liệu dễ vệ sinh lau chùi và không gây hại đến sức khoẻ con người.

CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

Tư vấn

Với dịch vụ tư vấn miễn phí, Phúc An luôn đồng hành cùng khách hàng và đưa ra các giải pháp tối ưu nhất về thiết kế cũng như các kế hoạch ngân sách của khách hàng.

Cung cấp - Lắp đặt:

Với đội ngũ kỹ sư và nhân viên lành nghề, Phúc An luôn cam kết hoàn thành công việc tại công trình một cách hoàn hảo nhất là đúng tiến độ.

Dịch vụ bảo trì sửa chữa 24/7

Dịch vụ không ngừng nghỉ 24/24. Khách hàng có thể gọi cho chúng tôi bất kì thời gian nào bất cứ nơi đâu. Chúng tôi cam kết sẽ có mặt tại công trình trong thời gian sớm nhất khi nhận được thông báo và hỗ trợ tận tình. Với một quy trình bảo trì nghiêm ngặt và chuyên nghiệp cùng với việc thay thế phụ tùng theo đúng tiêu chuẩn, thang máy của khách hàng sẽ luôn hoạt động liên tục và an toàn.

Dịch vụ kiểm định an toàn thang máy:

Hồ sơ kiểm định và lý lịch thang máy rất cần thiết để thang máy được cấp phép hoạt động theo quy định. Phúc An nhận cung cấp dịch vụ kiểm định trọn gói bao gồm lập lại hồ sơ lý lịch thang máy trong trường hợp khách hàng bị thất lạc hoặc hư hỏng.



THIẾT KẾ CỬA TẦNG DOOR DESIGN



THIẾT KẾ CỬA TÀNG TIÊU CHUẨN

FLOOR DOOR DESIGN STANDART

DS - 01

Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Inox sọc nhuễn
Inox sọc nhuễn bản rộng
Đặt trên đồ cửa

Materials
Jamb
HPI

Hairline Stainless Steel
Wide type, stainless Steel sheet
Transom mounted



DS - 03

Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Inox sọc nhuễn
Inox sọc nhuễn bản hẹp
Đặt trên hộp gọi tầng

Materials
Jamb
HPI

Hairline Stainless Steel
Wide type, stainless Steel sheet
HIB (Hall indicator board) mounted



DS - 02

Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Inox sọc nhuễn
Inox sọc nhuễn bản hẹp
Đặt trên hộp gọi tầng

Materials
Jamb
HPI

Hairline Stainless Steel
Narrow type, stainless Steel sheet
HIB (Hall indicator board) mounted



DS - 04

Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Inox sọc nhuễn
Kính cường lực, khung cửa Inox sọc nhuễn
Đặt trên đồ cửa

Materials
Jamb
HPI

Hairline Stainless Steel
Tempered glass, stainless Steel frame
Transom mounted



THIẾT KẾ CỬA TÀNG LỰA CHỌN

FLOOR DOOR DESIGN CHOICES

DO - 01

Vật liệu	Inox hoa văn
Bao che	Bản hẹp
Hiển thị tầng	Đặt trên đồ cửa
Materials	Etching Stainless Steel
Jamb	Narrow type, stainless Steel sheet
HPI	HIB (Hall indicator board) mounted



DO - 02

Vật liệu	Inox hoa văn
Bao che	Bản hẹp
Hiển thị tầng	Đặt trên đồ cửa
Materials	Etching Stainless Steel
Jamb	Narrow type, stainless Steel sheet
HPI	HIB (Hall indicator board) mounted



DO - 03



DO - 04



DO - 05



DO - 06



Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Materials
Jamb
HPI

Inox hoa văn
Bản rộng
Đặt trên đồ cửa

Etching Stainless Steel
Wide type, stainless Steel sheet
HIB (Hall indicator board) mounted



THIẾT KẾ PHÒNG THANG CABIN DESIGN

PHÚC AN[®]
LIFT UP YOUR LIFE



CS - 01

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Inox sọc nhuyền
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá Granite

Car material
Lighting system
Car floor

Hairline Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Granite



CS - 02

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Inox sọc nhuyền phối Inox gương
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá ghép trang trí
Hairline + Mirror Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Decorate Stone

Car material
Lighting system
Car floor



CS - 03

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Inox sọc nhuyền
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá Granite

Car material
Lighting system
Car floor

Hairline Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Granite



CS - 04

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Inox sọc nhuyền
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá Granite

Car material
Lighting system
Car floor

Hairline Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Granite

PHÚC AN[®]
LIFT UP YOUR LIFE



CABIN DESIGN STANDARD
THIẾT KẾ PHÒNG THANG TIÊU CHUẨN

THIẾT KẾ BUỒNG THANG LỰA CHỌN
CABIN DESIGN CHOICES



CO - 01

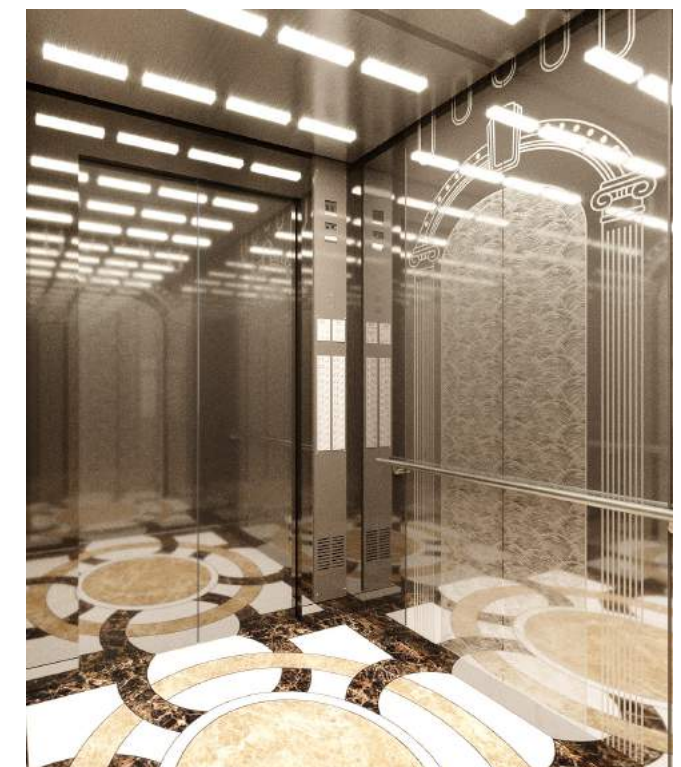
Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Car material
Lighting system
Car floor

Inox hoa văn
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá Granite

Etching Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Granite

THIẾT KẾ BUỒNG THANG LỰA CHỌN
CABIN DESIGN CHOICES



CO - 02

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Car material
Lighting system
Car floor

Inox hoa văn
Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Đá Granite

Etching Stainless Steel
Fluorescent and decorated lights
Granite

THIẾT KẾ BUỒNG THANG LỰA CHỌN
CABIN DESIGN CHOICES



THIẾT KẾ BUỒNG THANG LỰA CHỌN
CABIN DESIGN CHOICES



CO - 03

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Car material
Lighting system
Car floor

Inox hoa văn, inox gương màu
Đèn LED và đèn trang trí
Đá Granite

Etching + mirror Stainless Steel
LED and decorated lights
Granite

CO - 04

Vật liệu
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Car material
Lighting system
Car floor

Inox gương và laminate
Đèn led và đèn trang trí
Đá Granite

Mirror Stainless Steel and Laminate
LED and decorated lights
Granite

THANG MÁY QUAN SÁT OBSERVATION ELEVATOR

CO - 05

Cửa phòng thang	Inox sọc nhuyền
Vách phòng thang	Kính cường lực
Hệ thống chiếu sáng	Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Sàn phòng thang	Đá Granite
Car Door	Hairline Stainless Steel
Car wall	Tempered Glass
Lighting system	Fluorescent and decorated lights
Car floor	Granite



CO - 06

Cửa phòng thang	Inox sọc nhuyền
Vách phòng thang	Kính cường lực
Hệ thống chiếu sáng	Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Sàn phòng thang	Đá Granite
Car Door	Hairline Stainless Steel
Car wall	Tempered Glass
Lighting system	Fluorescent and decorated lights
Car floor	Granite



CF

Vật liệu phòng thang	Inox sọc nhuyền / tole sơn tĩnh điện
Hệ thống chiếu sáng	Đèn huỳnh quang và đèn trang trí
Sàn phòng thang	Thép gân chống trượt
Car material	Hairline Stainless Steel/ power coating Tole
Lighting system	Fluorescent
Car floor	Chequerred plate



DCF

Vật liệu	Inox sọc nhuyền/ tole sơn tĩnh điện
Bao che	Inox bản hẹp
Hiển thị tầng	Đặt trên hộp gọi tầng
Materials	Hairline Stainless Steel
Jamb	Wide type, stainless Steel sheet
HPI	HIB (Hall indicator board) mounted



DUF

Vật liệu	Inox sọc nhuyền/ tole sơn tĩnh điện
Bao che	Inox bản hẹp
Hiển thị tầng	Đặt trên hộp gọi tầng
Materials	Hairline Stainless Steel
Jamb	Wide type, stainless Steel sheet
HPI	HIB (Hall indicator board) mounted



DSF

Vật liệu	Inox sọc nhuyền/ tole sơn tĩnh điện
Cửa sắt xếp mở tay	Inox bản hẹp
Hiển thị tầng	Đặt trên hộp gọi tầng
Materials	Hairline Stainless Steel
Jamb	Wide type, stainless Steel sheet
HPI	HIB (Hall indicator board) mounted



THANG MÁY CHỜ GIƯỜNG BỆNH HOSPITAL ELEVATOR



THANG MÁY CHỜ THỰC PHẨM DUMB - WATER ELEVATOR



CDW

Vật liệu phòng thang
Hệ thống chiếu sáng
Số ngăn chứa

Materials
Lighting system
No. of stages

Inox sọc nhuyền
Đèn huỳnh quang
Lựa chọn

Hairline Stainless Steel
Fluorescent
Optional



DDW

Vật liệu
Bao che
Hiển thị tầng

Materials
Jamb

HPI

Inox sọc nhuyền
Inox bản hẹp
Đặt trên hộp gọi tầng

Hairline Stainless Steel
Narrow type, stainless Steel
sheet
HIB (Hall indicator board)
mounted



Vật liệu phòng thang
Hệ thống chiếu sáng
Sàn phòng thang

Car material
Lighting system
Car floor

Inox sọc nhuyền
Đèn huỳnh quang và đèn UV diệt khuẩn
Thép gân chống trượt

Hairline Stainless Steel
Fluorescent and UV lights
Chequered plate





HALL INDICATOR BOARD (HIB) DESIGN THIẾT KẾ HỘP GỌI TẦNG



NÚT NHẤN BOTTOMS



PB - 101



PB - 102



PB - 103



PB - 104



PB - 105



PB - 106

THIẾT KẾ HỘP ĐIỀU KHIỂN CABIN OPERATION PANEL (COP) DESIGN



LCDO - TP01 (OPTIONA)



LCDO - TP02 (OPTION)



LCDO - TP03 (OPTION)



LCDO - TP04 (OPTION)



LAG - TP01 (OPTION)



LAG - TP02 (OPTION)

HIỂN THỊ TẦNG HALL POSION INDICATOR (HPI)



Đèn ma trận điểm
(Dot matrix)

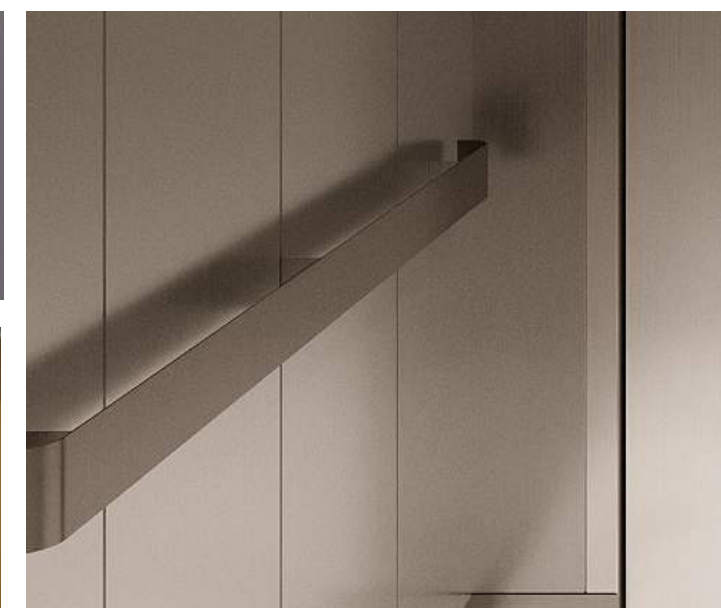


Hiển thị bằng bảng điện tử.
LCD Display

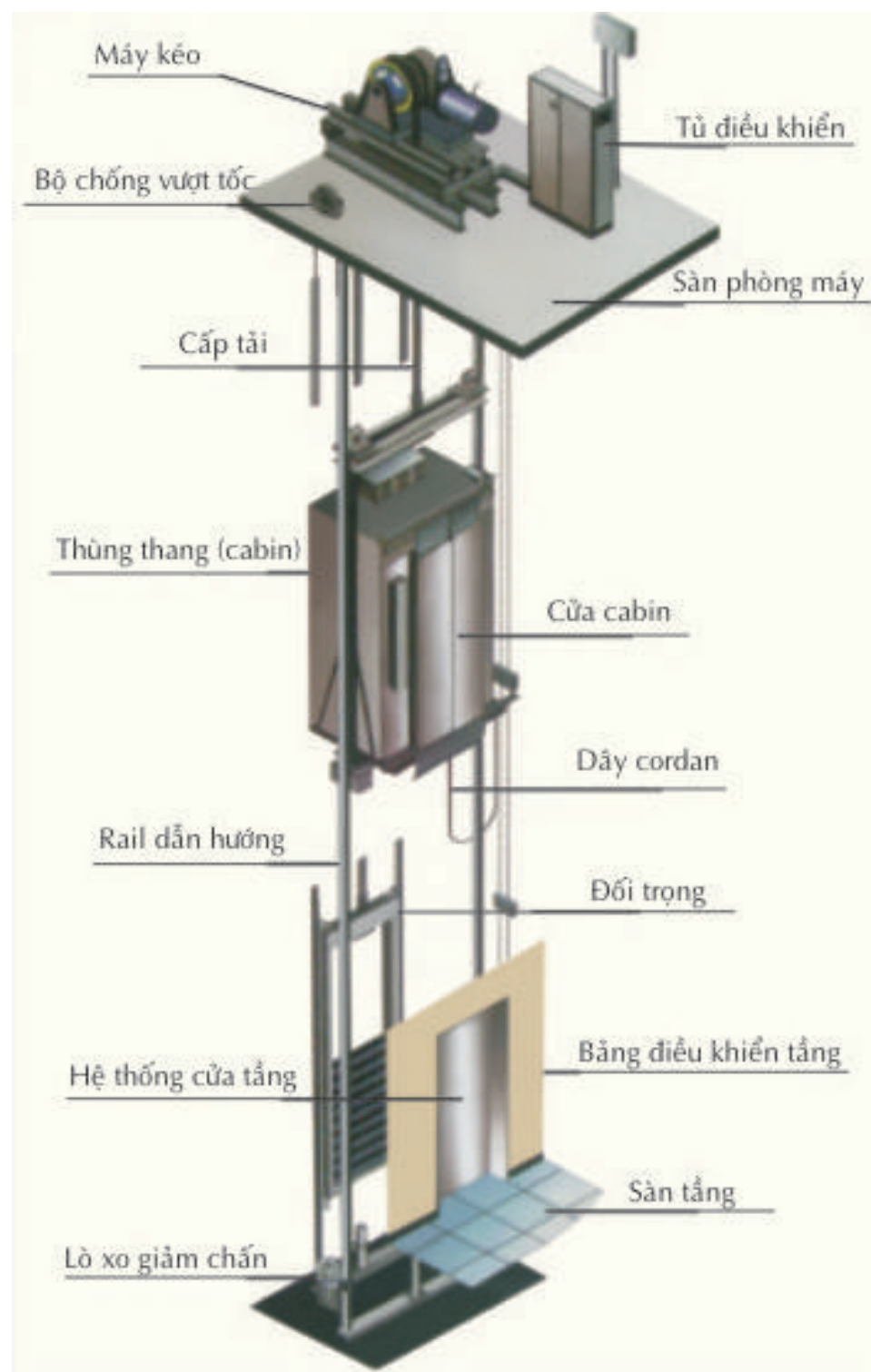


Hiển thị tầng bằng màn hình
tinh thể lỏng.
Liquid Crystal Display (LCD)

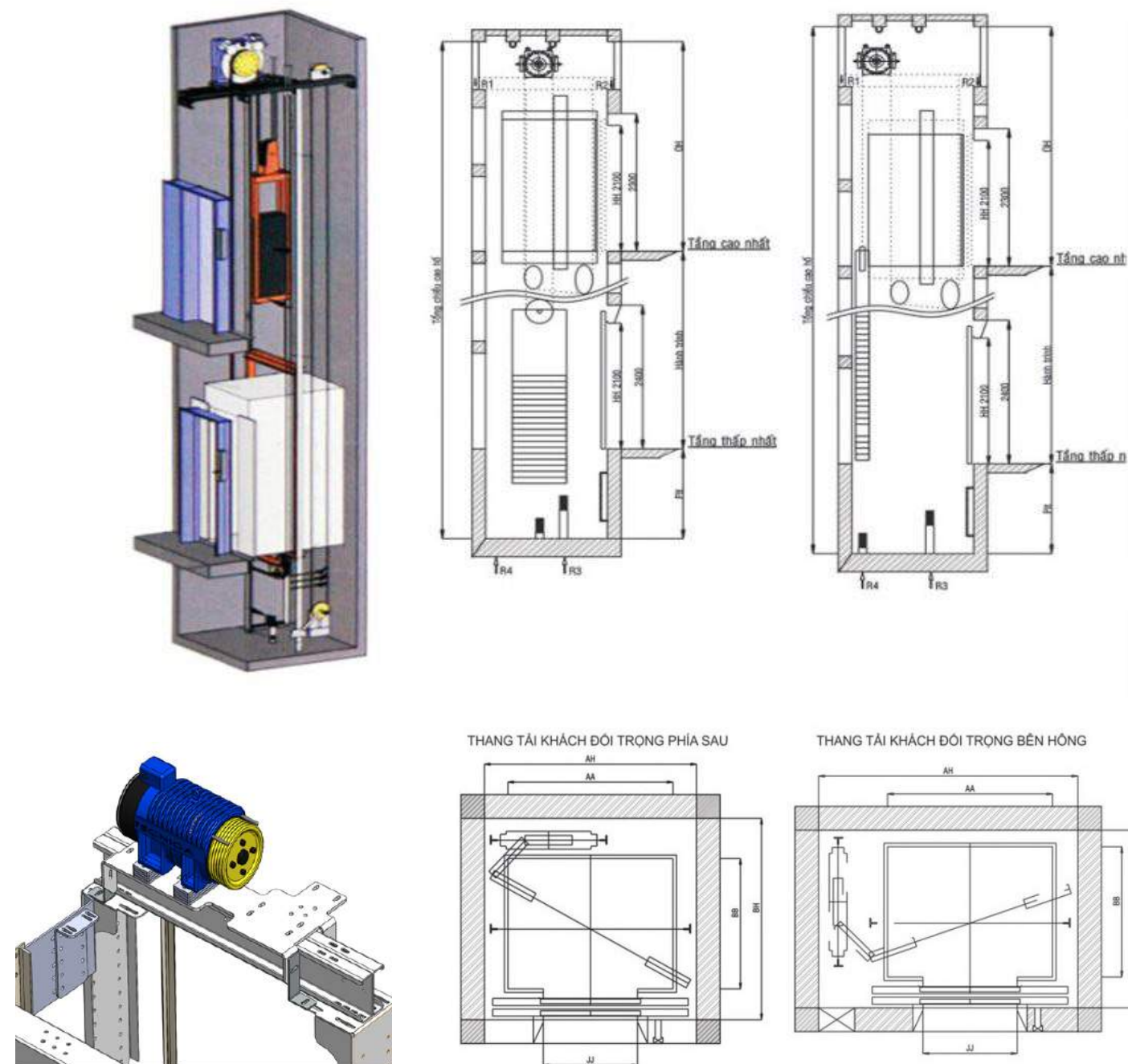
THIẾT KẾ TAY Vịn HAND RAIL DESIGN



BẢN VẼ KỸ THUẬT THANG CÓ PHÒNG MÁY

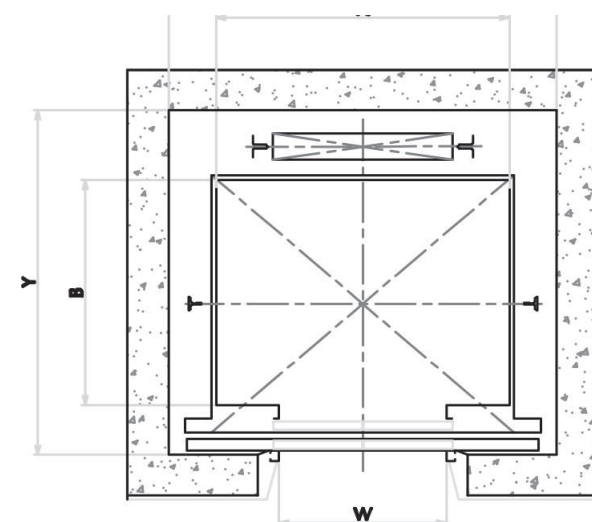
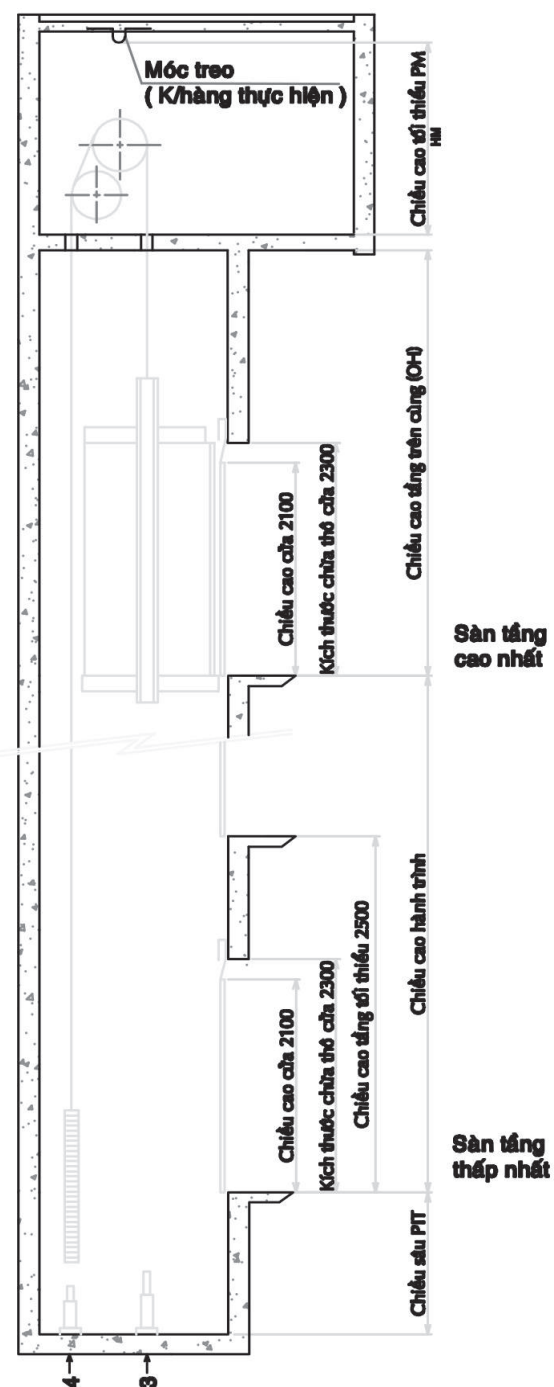


BẢN VẼ KỸ THUẬT THANG KHÔNG CÓ PHÒNG MÁY

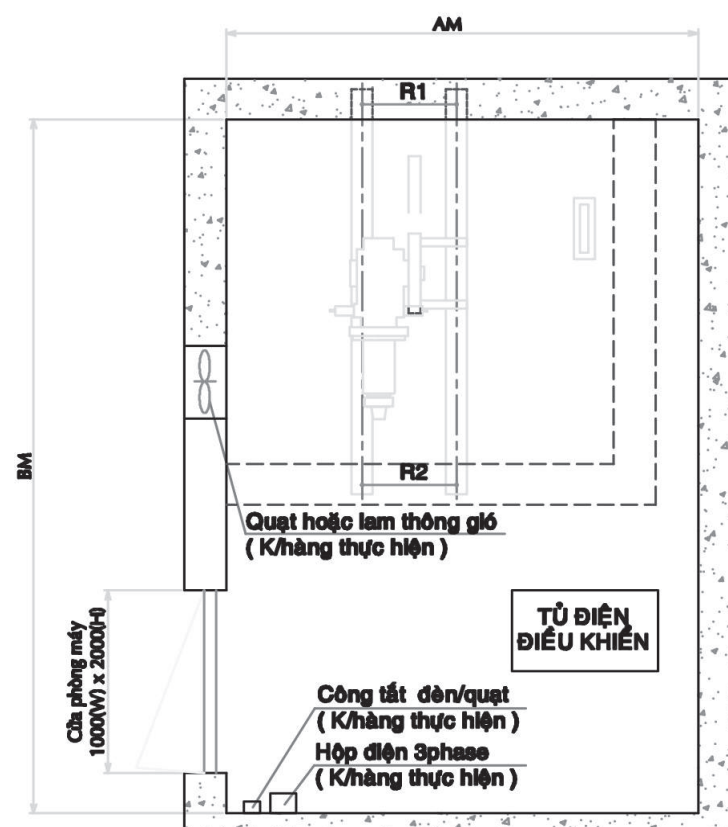


BẢN VẼ KỸ THUẬT CÓ PHÒNG MÁY

MẶT CẮT ĐỨNG HỖ THANG

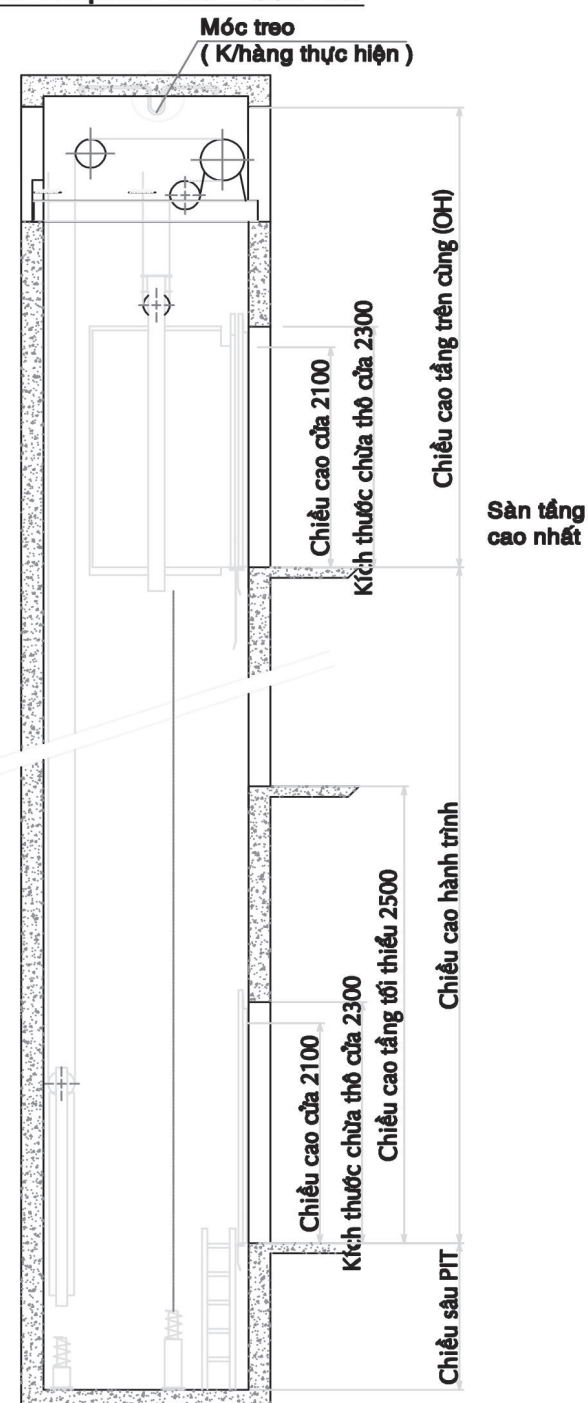


MẶT CẮT NGANG PHÒNG MÁY

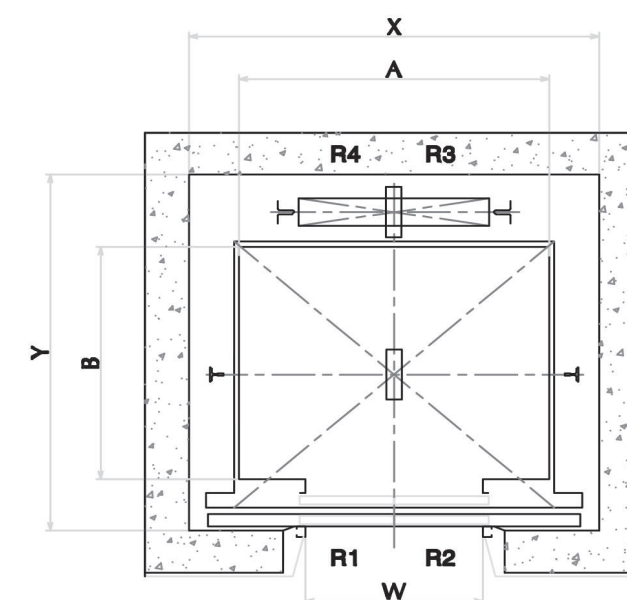


BẢN VẼ KỸ THUẬT KHÔNG CÓ PHÒNG MÁY

MẶT CẮT ĐỨNG HỖ THANG
TẢI TRỌNG 450 ~ 630 KG



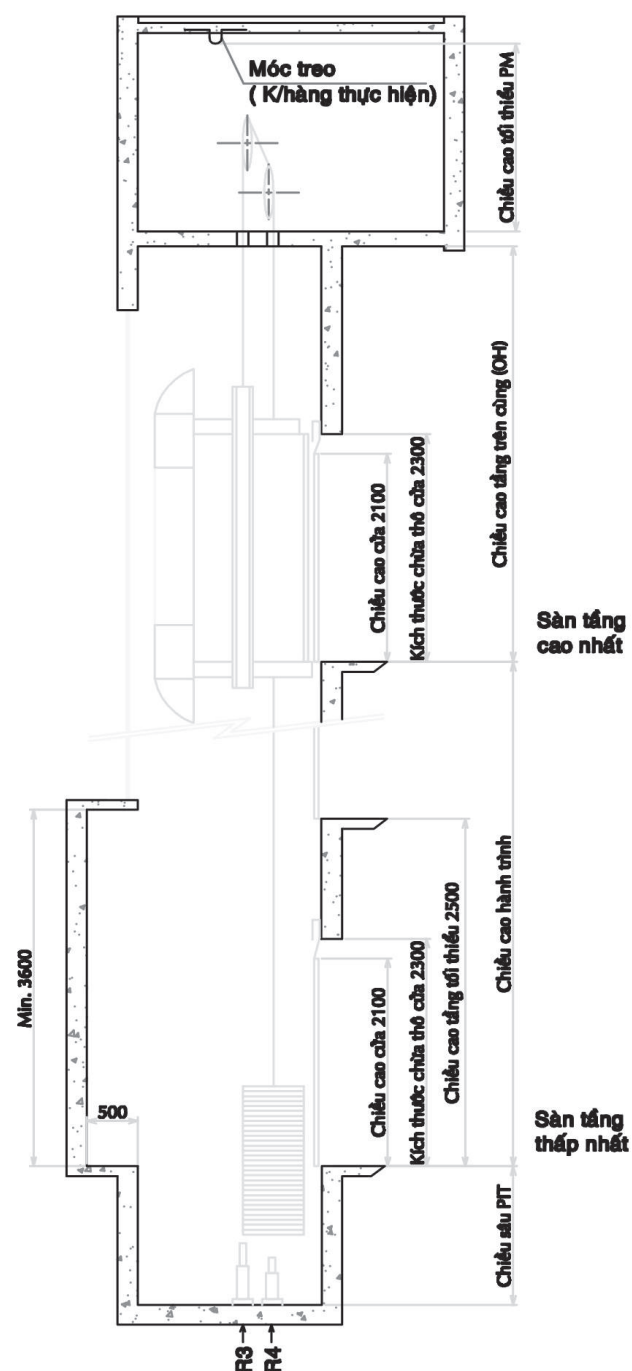
MẶT CẮT NGANG HỖ THANG
(Tải trọng 450kg ~ 630kg)



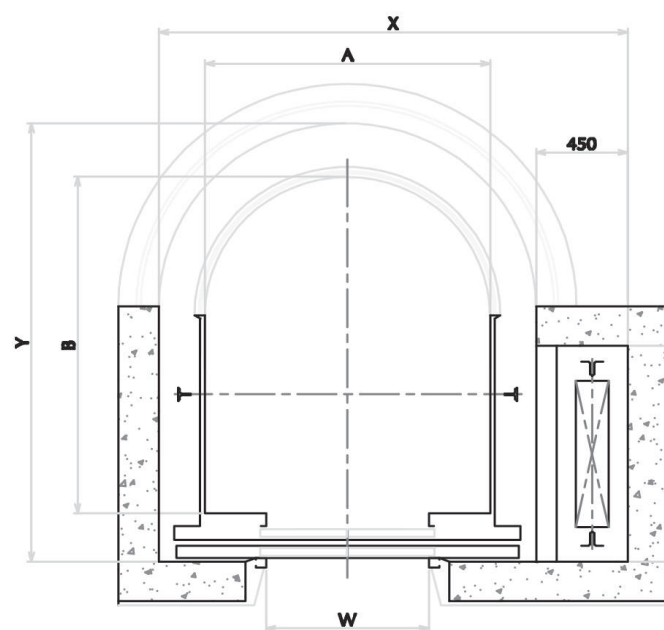


THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG QUAN SÁT

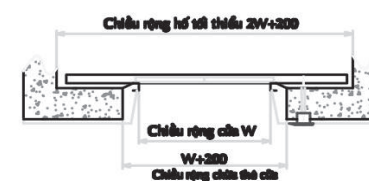
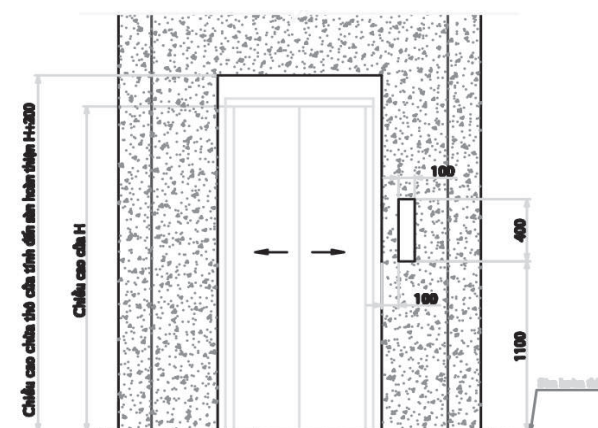
MẶT CẮT ĐỨNG HỐ THANG



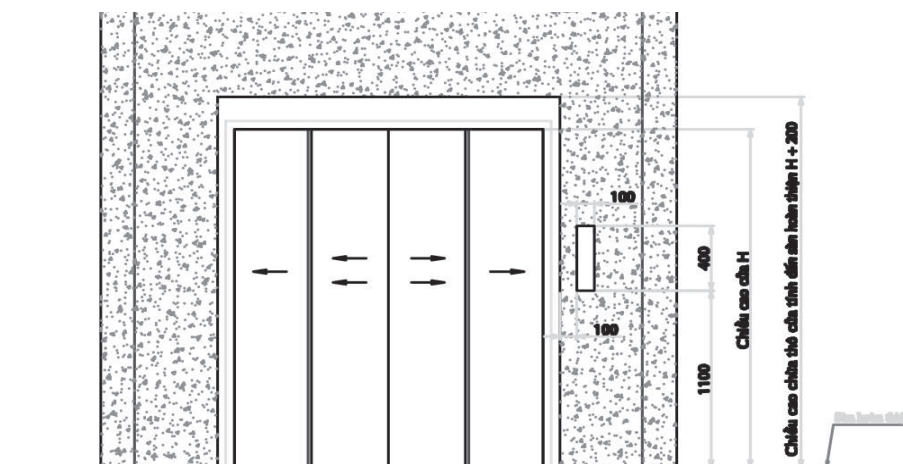
MẶT CẮT NGANG HỐ THANG



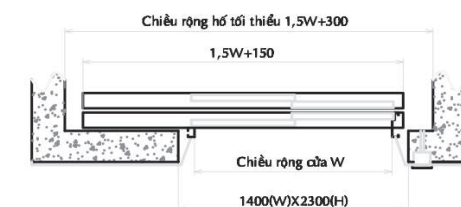
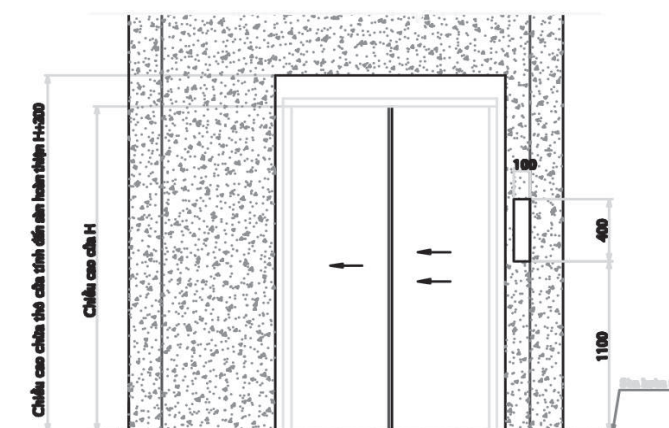
MẶT ĐỨNG CỬA TẦNG



MẶT CẮT CỬA CO



MẶT ĐỨNG CỬA TẦNG



MẶT CẮT CỬA SO

THÔNG SỐ THANG QUAN SÁT

Type Loại	Capacity Tải trọng		Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (W x H) Cửa (Rộng x Cao)	Car internal KT Cabin (A x B)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT phòng máy (AM x BM x HM)	Reaction/ Lực (kg)			
	Kg	Person Người				(X x Y x Z)	OH	PIT		R1	R2	R3	R4
012 - CO	800	12	60	800x2100	1400x1600	2350x2200x1450	4900	2000	3200x3800x2500	7000	4000	9500	6800
			90				5050	2200					
			105				5200	2400					
015 - CO	1000	15	60	900x2100	1500x1800	2450x2350x1450	4900	2000	3500x4000x2500	8500	4800	12500	9000
			90				5050	2200					
			105				5200	2400					

THÔNG SỐ THANG TẢI BỆNH

Type Loại	Capacity Tải trọng		Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (W x H) Cửa (Rộng x Cao)	Car internal KT Cabin (A x B)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT phòng máy (AM x BM x HM)	Reaction/ Lực (kg)			
	Kg					(X x Y)	OH	PIT		R1	R2	R3	R4
B1000	1000		60	1000x2100	1200x2100	2000x2600	4500	1500	2400x4300x2500	5650	3100	9800	5800
			90				4700	1800					
B1530	1350		60	1100x2100	1300x2300	2150x2800	4500	1500	2600x4500x2500	9000	5000	14000	10000
			90				4700	1800					
B1600	1600		60	1200x2100	1500x2300	2350x2800	4500	1500	2600x4500x2500	11400	6400	17000	13000
			90				4700	1800					

THÔNG SỐ THANG TẢI HÀNG

Type Loại	Capacity Tải trọng		Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (W x H) Cửa (Rộng x Cao)	Car internal KT Cabin (A x B)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT phòng máy (AM x BM x HM)	Reaction/ Lực (kg)			
	Kg					(X x Y)	OH	PIT		R1	R2	R3	R4
F750	750		30	1100x2100	1300x2300	2200x2800	4450	1250	3000x4000x2500	5000	5000	7000	6000
			60				4650	1550					
F1000	1000		30	1400x2100	1700x2300	2600x2800	4450	1250	3000x4000x2500	7000	6000	8500	7500
			60				4650	1550					
F1500	1500		30	2200x2100	2200x2400	3200x3000	4450	1250	3600x4500x2500	9500	8000	12000	9500
			60				4650	1550					
F2000	2000		30	2200x2100	2200x2800	3200x3400	4450	1250	3600x4500x2500	13000	9000	15000	12000
			60				4650	1550					
F2500	2500		30	2500x2100	2500x3000	3600x3600	4850	1250	4000x5000x2500	16000	10500	19000	15000
F3000	3000		30	2500x2100	2500x3000	3600x4000	4850	1250	4000x5000x2500	1900	12500	23000	18000

THÔNG SỐ THANG TẢI THỰC PHẨM

Type Loại	Capacity Tải trọng		Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (W x H) Cửa (Rộng x Cao)	Car internal KT Cabin (A x B)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT phòng máy (AM x BM x HM)
	Kg					(X x Y)	OH	PIT	
D100	100		10 - 15	800x1000	800x600	1200x1000	1800	700	1200x1000x1200
D150	150			800x1000	800x800	1200x1200	1800	700	1200x1200x1200
D200	200			1000x1200	1000x800	1400x1200	2700	500	1400x1200x1200
D250	250			1000x1200	1000x1000	1400x1400	2700	500	1400x1400x1200
D300	300			1000x1200	1000x1200	1400x1600	2700	500	1400x1600x1200

THÔNG SỐ THANG CÓ PHÒNG MÁY

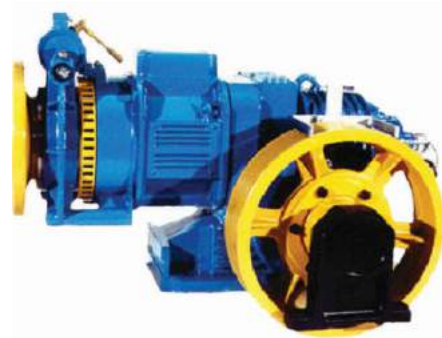
Type Loại	Capacity Tải trọng		Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (W x H) Cửa (Rộng x Cao)	Car internal KT Cabin (A x B)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT phòng máy (AM x BM x HM)	Reaction/ Lực (kg)			
	Kg	Person Người				(X x Y)	OH	PIT		R1	R2	R3	R4
P4 - CO	320	4	60	700 x 2000	1200 x 800	1600 x 14000	4100	1400	2000 x 3200 x 2200	2300	1300	2600	2000
			90				4300	1500					
			105				4300	1600					
P6 - CO	480	6	60	800 x 2100	1400 x 900	1800 x 1450	4100	1400	2000 x 3200 x 2200	3500	2000	4000	3000
			90				4300	1500					
			105				4300	1600					
P9 - CO	630	9	60	800 x 2100	1400 x 1100	(1800x 1700) 1900x1700	4100	140	2000x3600x3200	4275	2400	4200	3200
			90				4300	150					
			105				4500	160					
P11-CO	750	11	60	800x 2100	1400x1300	(1800x1900) 1900x1900	4100	1400	2000x3600x2200	5150	2800	5250	3950
			90				4300	1500					
			105				4500	1600					
P12 -CO	800	12	60	800x2100	1400x1400	(1800x2000) 1900x2000	4100	1500	2400x4000x2500	5450	2950	6250	4250
			90				4300	1600					
			105				4500	1700					
P15 -CO	1000	15	60	900x2100	1600x1550	2100x2150	4100	1500	2400x4000x2500	6800	3700	7050	5450
			90				4300	1600					
			105				4500	1700					
			120				4800	2140					
			150				4900	2140					
P17 -CO	1150	17	60	1200x2100	1800x1550	2300x2200	4200	1500	3000x4000x2700	7650	4100	8150	6250
			90				4500	1600					
			105				4800	1700					
			120				4900	2200					
			150				5000	2200					
P20 -CO	1350	20	60	1100x2100	2000x1500	2500x2150	4300	1500	3000x4000x2700	8800	4600	9650	7450
			90				4600	1600					
			105				4800	1700					
			120				5000	2200					
			150				5100	2200					
P24 - CO	1600	24	60	1100x2100	2000x1800	2500x2500	4300	1500	3000x4000x2700	10600	5100	12600	9150
			90				4600	1600					
			105				4800	1700					
			120				5000	2200					
			150				5100	2200					

THÔNG SỐ THANG KHÔNG PHÒNG MÁY

Type Loại	Capacity Tải trọng
--------------	-----------------------



Máy kéo Montanari (Ý) - không hộp số



Máy kéo Nuova (Ý) có hộp số



Máy kéo Ziehl-Abegg



Alberto sassi- có hộp số



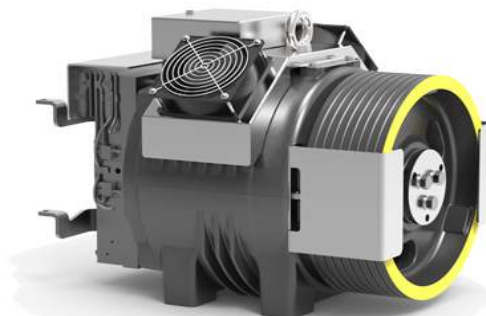
Máy kéo Montanari có hộp số



Máy kéo Fuji không hộp số



Máy kéo Nuova (Ý)
- không hộp số



Máy kéo Sicor- không hộp số



Alberto sassi- không hộp số



Bộ điều khiển trung tâm PLC
Mitsubishi (Nhật Bản)



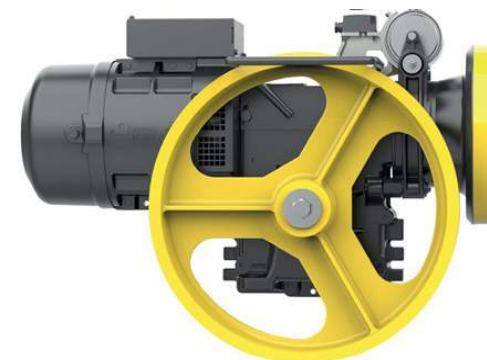
VVVF : Fuji – (Nhật Bản)



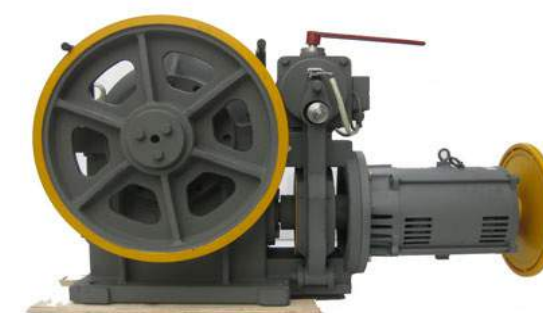
Tủ điều khiển trung tâm



Tủ điều khiển Vi xử lý (Thailand)



Máy kéo Sicor- có hộp số



Máy kéo Mitsubishi



Ty cáp



Dây tín hiệu



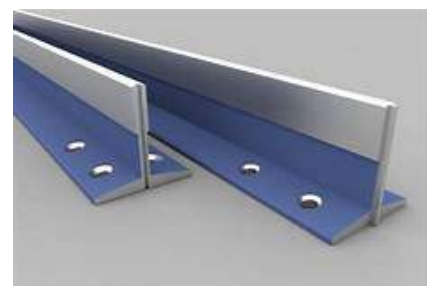
Photocell



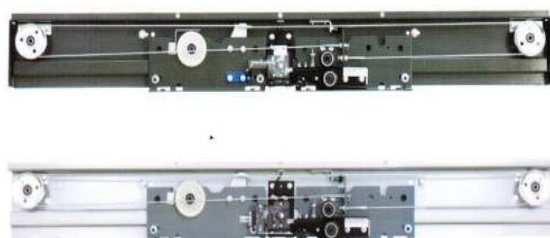
Cáp tải thang máy



Door phone



Rail T78-89



Bộ truyền động cửa tầng



Rail TK5



Bộ truyền động cửa cabin



Governor



Thăng bảo hiểm an toàn

KẾ HOẠCH BẢO TRÌ THANG MÁY ĐỊNH KỲ

Tháng 1:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy, kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm, tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Tủ điều khiển
- 3- Hộp đấu dây cầu chì

Tháng 2:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy, kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm, tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Thang điện từ.
- 3- Máy kéo.
- 4- Động cơ.
- 5- Governor.

Tháng 3:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy, kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm, tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Êm cửa (Trong và ngoài car).

Tháng 4:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy, kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm, tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Máy kéo.
- 3- Bộ đếm xung, phát tốc.
- 4- Bộ truyền cửa.

QUY TRÌNH BẢO TRÌ THANG MÁY

Tháng 5

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Các phần liên quan đến cửa .
- 3- Động cơ cửa .
- 4- Hộp đầu phòng thang .
- 5- Quạt thông gió phòng thang .
- 6- Sự hoạt động của cửa .

Tháng 6

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Hộp móng ngựa .
- 3- Ống và đầu nối .
- 4- Hệ thống dây cordon.
- 5- Đối trọng .
- 6- Rail.

Tháng 7

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Tủ điều khiển.

Tháng 8:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Thang điện từ.

- 2- Máy kéo .

QUY TRÌNH BẢO TRÌ THANG MÁY

Tháng 9:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Yếm cửa (car và ngoài tầng).

Tháng 10:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Bộ đếm xung, phát tốc .
- 3- Cấp các loại .
- 4- Máy kéo .

Tháng 11:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Các phần liên quan đến cửa.
- 3- Hộp bảo vệ đổi tốc độ.
- 4- Sự hoạt động của cửa.

Tháng 12:

- 1- Vệ sinh phòng máy, các thiết bị trong phòng máy , kiểm tra bề ngoài của thang điện từ, các trạng thái khi thang vận hành, đèn báo các loại, các nút nhấn, đèn cấp cứu, tình trạng của đầu car, hộp bảo vệ chuyển đổi tốc độ, doorlock, hộp bảo vệ cửa thoát hiểm , tình trạng hố thang và các biển báo.
- 2- Các thiết bị trong phòng thang
- 3- Các thiết bị trong hố .

Tháng thứ 13 đến tháng thứ 24: thực hiện lại giống như từ tháng 01 đến tháng thứ 12

QUY TRÌNH BẢO TRÌ THANG MÁY

QUY TRÌNH BẢO TRÌ THANG MÁY

A: Tốt

B: Chú ý kiểm tra

C: Cần thay thế

STT	THIẾT BỊ - VẤN ĐỀ KIỂM TRA	TÌNH TRẠNG	STT	THIẾT BỊ - VẤN ĐỀ KIỂM TRA	TÌNH TRẠNG
1	Phòng máy	-	3.6	Thiết bị báo tải	A.B.C
1.1	Vệ sinh phòng máy	A.B	3.7	Cable governor	A.B.C
1.2	Đèn chiếu sáng và sự thông thoáng trong phòng máy	A.B.C	3.8	Rail, braket	A.B.C
1.3	Tủ điện	Vệ sinh tủ điện	3.9	Hộp nhót	A.B.C
1.4		Kiểm tra điện áp	3.10	Contact giới hạn trên, dưới cùng	A.C
1.5		Kiểm tra tiếp địa	3.11	Sill cửa tầng	A.B.C
		Kiểm tra thông số phanh điện từ	3.12	Door- lock switch	A.C
		Kiểm tra thiết bị quá tải	3.13	Travelling cables và đầu nối	A.B
1.6	Máy kéo	Nhót	3.14	Hệ thống tiếp địa	A.B.C
1.7		Rò rỉ nhót	3.15	Tất cả các bộ phận của đối trọng	A.B.C
1.8		Bạc đạn			
1.9		Phanh điện từ	A.B	4 Thiết bị dừng tầng	
		Độ ồn	A.B	4.1 Nút gọi, đèn báo tầng	A.B.C
1.10	Động cơ kéo	A.B.C	4.2 Chuông dừng tầng	A.C	
1.11	Governor	A.B.C			
2	Cabin	-	5 Hố	-	
2.1	Vệ sinh công nghiệp	A.B	5.1 Vệ sinh hố	A.B	
2.1	Hộp gate	A.C	5.2 Giới hạn cuối cùng	A.C	
2.3	Safety-shoes, Photocell(nếu có)	A.B.C	5.3 Bộ phanh cơ	A.B.C	
2.4	E.Stop Switch	A.C	5.4 Cable phanh cơ	A.B.C	

2.5	Đèn Emergency	A.C	5.5	Cable hay xích bù trừ	A.B.C
2.6	Móng ngựa dừng, Door zone	A.C	5.6	Khoảng cách cho đối trọng	A.B.C
2.7	Khoảng cách giữa sill car và sill cửa tầng	A.C	5.7	Thiết bị tiếp địa dưới hố	A.B.C
3	Đầu cabin	-	6	Các thiết bị khác	
3.1	Lối thoát hiểm	A.B	6.1		A.B.C
3.2	Động cơ cửa	A.B.C	6.2		A.B.C
3.3	Công tắc an toàn	A.C	6.3		A.B.C
3.4	Shoe car	A.B.C	6.4		A.B.C
3.5	Cable và ty cable	A.B.C	6.5		A.B.C

